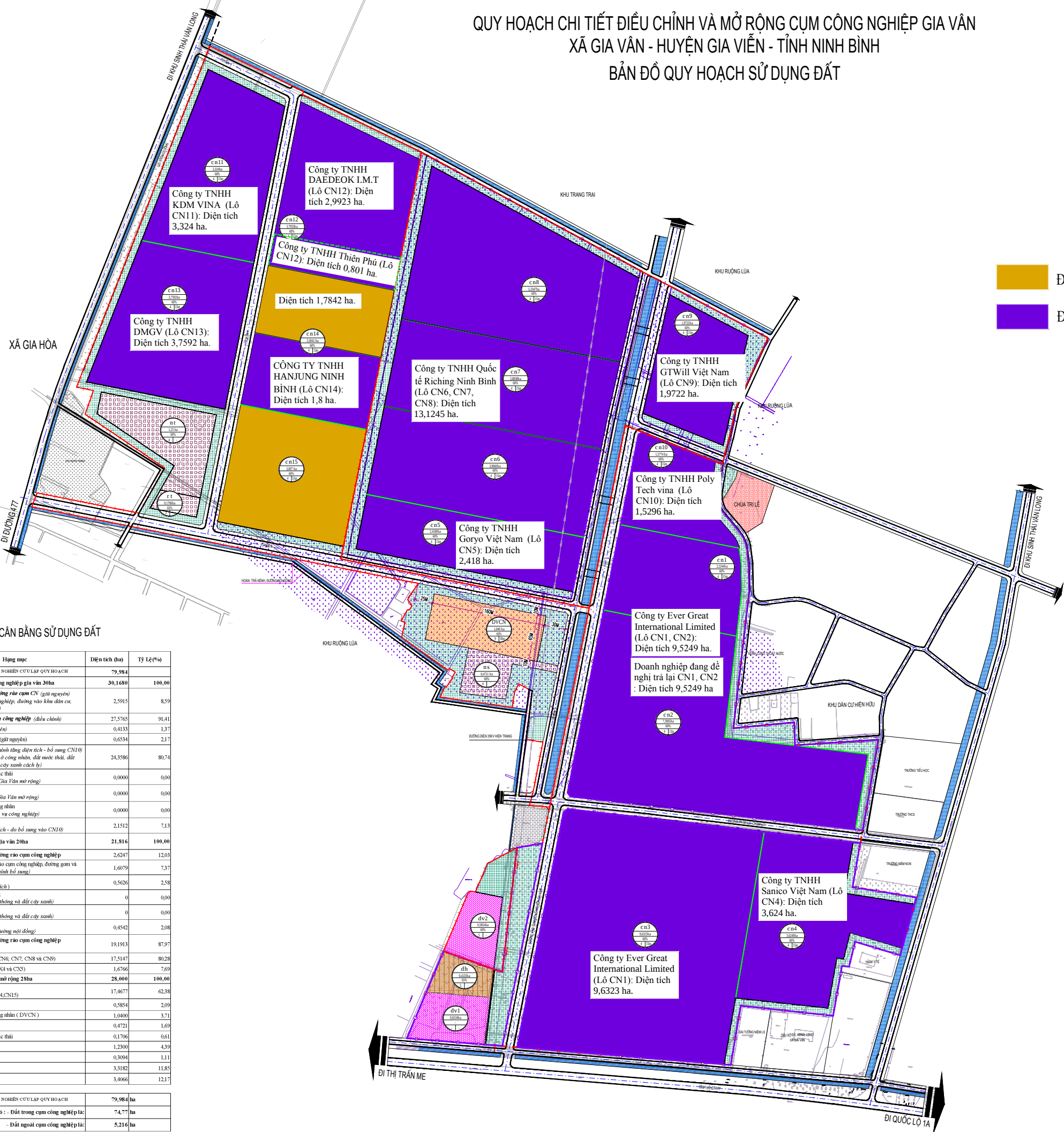
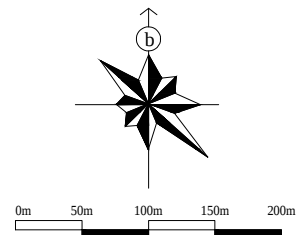


QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH VÀ MỞ RỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
XÃ GIA VÂN - HUYỆN GIA VIỄN - TỈNH NINH BÌNH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



ĐẤT CÔNG NGHIỆP ĐÃ KÝ THỎA THUẬN CHO THUÊ: 4,7912 HA.

ĐẤT CÔNG NGHIỆP ĐÃ CHO THUÊ: 54,55 HA

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ Lệ(%)
TỔNG DIỆN TÍCH NGHÊN CƯ LẬP QUY HOẠCH			
		79,984	
A	Điều chỉnh đất cụm công nghiệp gia vân 30ha	30,1680	100,00
I Diện tích nằm ngoài tương rào cụm CN (gửi nguyên)			
(Đường vào cụm công nghiệp, đường vào khu dân cư, đường phân lô chi phí)		2,5915	8,59
II Diện tích đất thuộc cụm công nghiệp (điều chỉnh)			
		27,5765	91,41
1	Đất đầu bãi (gửi nguyên)	0,4133	1,37
2	Đất dịch vụ công nghiệp (gửi nguyên)	0,6534	2,17
3	Đất công nghiệp (điều chỉnh tăng diện tích - bổ sung CN10) (Chuyển từ đất DT nông ở công nhân, đất nước thải, đất nước sạch và một phần cây xanh cách ly)	24,3586	80,74
4	Đất trạm trung chuyển rác thải (Chuyển sang cụm CN Gia Vân mở rộng)	0,0000	0,00
5	Đất khu xử lý nước thải (Chuyển sang cụm CN Gia Vân mở rộng)	0,0000	0,00
6	Đất dịch vụ và nhà ở công nhân (Chuyển thành đất dịch vụ công nghiệp)	0,0000	0,00
7	Đất cây xanh cách ly (điều chỉnh giảm diện tích - do bổ sung vào CN10)	2,1512	7,13
B Đất cụm công nghiệp gia vân 20ha			
		21,816	100,00
I Diện tích nằm ngoài tương rào cụm công nghiệp			
		2,6247	12,03
1	Đất giao thông (đường vào cụm công nghiệp, đường gom và đường dẫn sinh) (điều chỉnh bổ sung)	1,6079	7,37
2	Kênh thoát nước chính (Điều chỉnh giảm diện tích)	0,5626	2,58
3	Hoàn trả đất giao thông và đất cây xanh	0	0,00
4	Hoàn trả kênh nội đồng (Chuyển sang đất giao thông và đất cây xanh)	0	0,00
5	Đất cây xanh (Bổ sung từ đất kênh, đường nội đồng)	0,4542	2,08
II Diện tích nằm trong tương rào cụm công nghiệp (gửi nguyên)			
		19,1913	87,97
1	Đất công nghiệp (CN5, CN6, CN7, CN8 và CN9)	17,5147	80,28
2	Đất cây xanh cách ly (CX4 và CX5)	1,6766	7,69
C Đất Cụm công nghiệp mở rộng 28ha			
		28,000	100,00
1	Đất công nghiệp (CN1,CN2,CN3,CN4,CN15)	17,4677	62,38
2	Đất dịch vụ (DV2)	0,5854	2,09
3	Đất dịch vụ và nhà ở công nhân (DVCN)	1,0400	3,71
4	Đất trạm cấp nước sạch	0,4721	1,69
5	Đất trạm trung chuyển rác thải	0,1706	0,61
6	Đất khu xử lý nước thải	1,2300	4,39
7	Đất kênh mương	0,3094	1,11
8	Đất giao thông	3,3182	11,85
9	Đất cây xanh cách ly	3,4066	12,17

	TỔNG DIỆN TÍCH NGHÊN CƯ LẬP QUY HOẠCH	79,984	ha
Chú chú:	Trong đó : - Đất trong cụm công nghiệp là:	74,77	ha
	- Đất ngoài cụm công nghiệp là:	5,216	ha

- GHI CHÚ:**
- RANH GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (30,168HA)
 - RANH GIỚI TƯỜNG RÀO CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT
 - RANH GIỚI QUY HOẠCH KHU 20HA ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
 - RANH GIỚI TƯỜNG RÀO KHU 20HA ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
 - RANH GIỚI QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN MỞ RỘNG
 - ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV HIỆN TRẠNG
 - ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
 - ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
 - ĐẤT NGHỈ TRẠNG
 - KÊNH MƯƠNG, MẶT NƯỚC
 - ĐẤT CÔNG NGHIỆP (CN)
 - ĐẤT NHÀ ĐIỀU HÀNH(DH)
 - ĐẤT DỊCH VỤ VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN(DVCN)
 - ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP (DV)
 - ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (CX)
 - TRẠM CẤP NƯỚC SẠCH (NS)
 - KHU TRUNG CHUYỂN RÁC THẢI (RT)
 - KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI CN (NT)
 - TÊN LÔ ĐẤT
 - DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT
 - MẶT ĐỒ XO TỐI ĐÀ
 - SỐ TẦNG CAO TỐI ĐÀ
 - CHIỀU CAO TỐI ĐÀ

UBND TỈNH NINH BÌNH			
(KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY: /2018 CỦA UBND TỈNH NINH BÌNH)			
SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH			
(KÈM THEO YỜ TRÌNH SỐ: /TTR-SXD NGÀY: /2018 CỦA SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH)			
SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH			
UBND HUYỆN GIA VIỄN			
UBND XÃ GIA VÂN			
CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ			
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH VÀ MỞ RỘNG CỤM CN GIA VÂN XÃ GIA VÂN - HUYỆN GIA VIỄN - TỈNH NINH BÌNH			
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT			
BẢN VẼ: QH-03	KHỔ GIẤY: A0	TỶ LỆ: XÍCH	HOÀN THÀNH: 2018
THIẾT KẾ			
THỂ HIỆN			
CHỦ TÔI TK			
QL KỸ THUẬT			
CHỦ NHÌM ĐOÀN			